

NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LUẬT MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được Quốc hội khóa XIII, tại kỳ họp thứ chín thông qua ngày 09/6/2015 với đa số phiếu tán thành¹. Luật có 8 chương, 41 điều. So với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1999 (chỉ có 4 chương, 18 điều) thì cả về bố cục, số lượng các chương, điều và nội dung có thể coi như một luật mới hoàn toàn. Luật chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2016.

Sau đây là những nội dung chủ yếu của Luật:

1. Về ngày truyền thống của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc

Điều 11 của Luật đã quy định ngày truyền thống của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc là ngày 18/11 hàng năm nhằm luật hóa một hoạt động đã trở thành nề nếp của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ nhiều năm nay trong phạm vi cả nước được các cấp ủy, chính quyền phối hợp tổ chức và thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Trước đây, ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam (18/11) được ghi trong văn kiện của Đảng; “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc” được ghi trong nghị quyết của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Việc luật hóa ngày truyền thống của Mặt trận và ngày Hội đại đoàn kết toàn dân tộc đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện rộng rãi hơn các hoạt động này trong xã hội.

2. Về tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1999 không có các quy định cụ thể về tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mà dẫn chiếu đến Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Việc này dẫn đến tính ổn định về tổ chức của Mặt trận không cao vì Điều lệ thông thường mỗi kỳ đại hội toàn quốc của Mặt trận lại được sửa đổi, bổ sung.

Luật lần này (Điều 6) đã có các quy định nhằm định danh các cơ quan, tổ chức chủ yếu trong hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

¹ Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XIII đến kỳ họp thứ chín là 495 đại biểu. Số đại biểu tham gia biểu quyết: 425 (85,86%); số đại biểu tán thành: 422 (85,25%); số đại biểu không tán thành: 01 (0,2%); số đại biểu không biểu quyết: 02 (0,4%).

và Ban công tác Mặt trận nhằm tạo sự ổn định lâu dài về tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan, tổ chức này do Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định.

3. Về các mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cơ quan, tổ chức và nhân dân

Luật lần này đã làm rõ được các mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cơ quan, tổ chức và nhân dân mà trước đây quy định rải rác ở các luật khác, trong các văn bản của Đảng hoặc Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

- *Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Đảng* (khoản 4 Điều 4):

Đây là quy định hoàn toàn mới, thể chế hóa nội dung Cương lĩnh của Đảng về mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam². Theo đó Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- *Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước* (Điều 7):

Về cơ bản giữ như Luật hiện hành; đồng thời bổ sung một số quy định cho phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và thực tiễn mối quan hệ giữa Mặt trận với Nhà nước đã thực hiện ổn định trong thời gian qua đó là:

+ Người đứng đầu Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thông tin kịp thời cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam việc thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

+ Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

- *Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhân dân* (Điều 8):

Đây là điều luật hoàn toàn mới quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn kết Nhân dân; động viên, hỗ trợ Nhân dân thực hiện dân chủ, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ

² Phần IV- Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng - Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: “Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận”.

bản của công dân, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều này còn quy định cách thức và nội dung Nhân dân tham gia các hoạt động của Mặt trận. Đặc biệt, còn có quy định Nhân dân giám sát hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để thực hiện trách nhiệm của mình với Nhân dân.

- *Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức* (Điều 9):

Đây cũng là điều luật mới. Để mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phù hợp với thực tiễn hoạt động hiện nay của Mặt trận, Luật không chỉ quy định mối quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên mà còn đối với các tổ chức không phải là thành viên của Mặt trận.

4. Về quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Cụ thể hóa Điều 9 Hiến pháp năm 2013, Điều 3 của Luật quy định các quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bao gồm: Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; thực hiện giám sát và phản biện xã hội; tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.

Các quyền và trách nhiệm này đã được quy định chi tiết thành 5 chương mới, đó là:

4.1. Chương II - Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Chương này có 03 điều quy định về nguyên tắc, phương thức tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nội dung phối hợp giữa Mặt trận với nhà nước và các tổ chức thành viên trong việc tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nội dung các điều luật trong chương này đã luật hóa mối quan hệ giữa Mặt trận với nhà nước trong công tác tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc được quy định tại các quy chế phối hợp giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ; trong Quy chế phối hợp và thống nhất hành động của các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thực tiễn tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời gian qua.

4.2. Chương III - Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân

Chương này có 04 điều quy định về trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên trong việc tổng hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; quy định về trách nhiệm của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở địa phương phối hợp với cơ quan nhà nước hữu quan tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; quy định trách nhiệm của Mặt trận tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện chính sách, pháp luật; quy định trách nhiệm của Mặt trận trong việc tiếp công dân, tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xá, cử bào chữa viên nhân dân.

4.3. Chương IV - Tham gia xây dựng nhà nước

Chương này có 6 điều quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tham gia tuyên chọn Thẩm phán, Kiểm sát viên, giới thiệu Hội thẩm nhân dân; tham gia xây dựng pháp luật; tham dự các kỳ họp của Quốc hội, phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Ủy ban nhân dân; tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tham gia góp ý, kiến nghị với Nhà nước. Chương này chủ yếu pháp điển hóa các quy định của pháp luật hiện hành và thể chế hóa “*Quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*”³.

4.4. Chương V - Hoạt động giám sát

Chương này có 7 điều quy định cụ thể về tính chất, mục đích và nguyên tắc giám sát; đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát; hình thức giám sát; quyền, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động giám sát; quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát; trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; quyền, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

Chương này thể chế hóa những nội dung cơ bản của “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể*”

³ Ban hành kèm theo Quyết định 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

chính trị - xã hội”⁴ và luật hóa một số nội dung trong Nghị quyết của Quốc hội về lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội và Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn⁵.

4.5. Chương VI - Hoạt động phản biện xã hội

Chương này có 5 điều quy định cụ thể về tính chất, mục đích và nguyên tắc phản biện xã hội; đối tượng, nội dung, phạm vi phản biện xã hội; hình thức phản biện xã hội; quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động phản biện xã hội; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện.

Chương này thể chế hóa những nội dung cơ bản của “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”⁶.

5. Về văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Luật giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch để quy định chi tiết, đó là:

- Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (Điều 16).

- Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết các hình thức giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 27).

- Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết các hình thức phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 34).

Trên đây là một số nội dung chủ yếu của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Xin trân trọng báo cáo.

BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

⁴ Ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

⁵ Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội khóa XIII về lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội và Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

⁶ Ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

